

THÍCH THÔNG PHƯƠNG



KINH PHÁP HOA

Giảng Lục

Tập I



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL:2550 - DL:2006

Lời Đầu

Bộ kinh Pháp Hoa này lần đầu tiên chúng tôi được nghe Hoà thượng Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm giảng, thật là một điều không ngờ. Lời Phật, lời Thầy đã mở ra cho chúng tôi một chân trời mới mẻ chưa từng có. Niềm tin về thiền cũng như lòng tự tin nơi mình có đủ khả năng giác ngộ được phát khởi từ đó.

Rồi trải qua thời gian dài, nhiều năm gần gũi Hoà thượng để tu học, thực hành công phu, càng giúp chúng tôi cảm sâu lời dạy của đấng Giác Ngộ Vô Thượng. Quả là một chân lý tuyệt diệu không thể nói hết bằng lời.

“Diệu Pháp ấy”, đời đời vẫn là ánh sáng đưa người ra khỏi đường sanh tử lầm mê từ vô thủy kiếp.

Tri kiến Phật này, bản hoài của ba đời chư Phật ra đời, người người luôn phải nhớ, phải khai, phải sống.

Mật chỉ đấng Giác Ngộ ba lần ngàn Tôn Giả Xá-

Lợi-Phát “Thôi thôi, đừng nói nữa” là tiếng sét vang rền, mãi mãi đánh thức cho người học Pháp Hoa: Chớ chết chìm trong đám rừng chữ nghĩa khô cứng, chết cứng ở những trang giấy mực vô tri ấy! Ngôn ngữ không biết phóng quang đâu, chớ lâm bám chặt theo.

Ánh sáng giữa chạng mào kia, giờ đây ai thấy được? Có lẽ nào nó đã tắt lịm từ lâu cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ hay sao?

Nhà lửa ba xe vẫn còn luôn để ngoài cửa chờ mỗi chúng ta, hay là mỗi chúng ta đang ngồi trên xe trâu trắng rồi đây!

Gã cùng tử con ông trưởng giả giàu sang vẫn còn lang thang đây đó, hay đã trở về nhà gặp cha già nhận lấy gia tài sản nghiệp? Kinh Pháp Hoa muốn nói gì với mỗi chúng ta?

Cỏ thuốc hiện bày khắp nơi trong thế gian này, có cây nào thấm ướt giọt mưa Pháp Hoa đang xối xuống đó chăng?

Đói gặp cơm vua chẳng chịu ăn, còn đợi gì nữa?

Lẽ thật này đang hiện bày ra đó, công đức ấy hiện đủ nơi cửa sáu căn Thấy, Nghe, Giác, Biết, người chân thành trì kinh sẽ cảm nghiệm được ngay không nghi ngờ.

Phật Đại Thông Trí Thắng vẫn còn đang thuyết pháp đây, chưa từng nhập diệt bao giờ, chớ vội tưởng tượng quay về quá khứ xa xôi vi trần kiếp.

Mười sáu Vương tử cũng luôn ra đời đây, có ai thấy chẳng?

Tháp báu Đa Bảo hiện ra kìa, phải một lòng chiêm ngưỡng, chớ để lầm qua. Mau thu hồi các Hoá Phật trở về, cửa tháp báu vang rền bung ra đó!

Ồ, vô số Bồ tát từ đất Tâm vọt lên kìa! Thật không ngờ, xưa nay chưa từng biết! Cha trẻ, con già chỉ làm mờ mắt anh chàng Tâm thức hay phân biệt kìa thôi, còn tuổi thọ vô lượng ấy, là sức sống chân thật hằng hữu, đâu che được con mắt Bồ tát Văn Thù, và phải nhờ chư Bồ tát đây mới giữ gìn được. Hành giả Pháp Hoa phải khai thác chỗ chỉ yếu này để sống vững theo lời phó chúc của đấng Giác Ngộ Vô Thượng.

Đến đây rồi, không còn có Tâm khinh thường ai cả, vì người người đều có Pháp Hoa trong nhà: “Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật”.

Nam nữ, tăng tục, Việt Miên Lào ..v.v.. cũng không phân chia ngăn cách.

Long Nữ còn có đủ khả năng kia, thì chúng ta sao lại không có? Chớ để thân tướng nghiệp báo này làm lầm, rồi tự khinh mình thành lui sụt.

Song con đường Khai Thị Ngộ Nhập không phải dễ dàng nói ra suông. Để nhập được Pháp Hoa, trước phải quên cái NGÃ này! Đó là con đường bắt buộc hành giả chân chính phải đạp qua, không thể tránh né. Bồ

Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đốt thân, đốt tay cúng dường Phật, là có ý sâu, mỗi người cần nghiệm kỹ!

Diệu Âm, Quán Âm tiếp tục trừ cho sạch tập khí cái Ngã ấy thôi. Cho đến cuối cùng Bồ tát Phổ Hiền phủ sạch để hiện khắp nơi, hoàn thành cho Bồ tát Văn Thù khai phát từ ban đầu.

Mong rằng ánh sáng Pháp Hoa luôn chiếu đến với nhà nhà. Chân lý này hằng sống dậy khỏi những trang giấy chết. Ngày ngày càng có nhiều người tụng trì Pháp Hoa, khiến cho bản hoài chư Phật không bị gián đoạn trên thế gian.

Cuối cùng, vì đây là lời giảng ghi lại, tuy có chỉnh sửa nhưng chắc chắn nhiều lời, nhiều ý trùng lặp.., kính mong người đọc đạt ý quên lời, để cùng chia hưởng một vài tia sáng Pháp Hoa, đó chính là niềm vui chung cho sự ra mắt bộ kinh Pháp Hoa Giảng Lục này.

Tuy nhiên với bậc đã nhảy qua khỏi đầu lưới, hẳn phải ôm bụng cười vang, phẩy tay đi thẳng.

Lưới Phật che trùm nuốt hết rồi!

Mùa đông năm Ất Dậu 2005

Kính ghi

THÍCH THÔNG PHƯƠNG

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LỤC

*Pháp Phật sâu mâu chẳng gì hơn,
Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp,
Nay con nghe thấy vâng gìn giữ,-
Nguyện hiểu nghĩa chân Đức Thế Tôn.*

Hôm nay nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bộ kinh này nguyên bản bằng chữ Phạn, gần đây các nhà nghiên cứu phát hiện được tại vùng Tân Cương. Khoảng năm 1852 có một học giả người Pháp, ông dịch ra tiếng Pháp. Còn bản dịch mà chúng ta đang học ở đây là dịch từ bản chữ Hán.

Ở Trung Quốc, từ xưa có sáu bản dịch từ tiếng Phạn ra chữ Hán, nhưng dần dần về sau này thất lạc bớt, còn lại ba bản, gồm có:

- Bản thứ nhất, do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, gọi

là Chánh Pháp Hoa Kinh, gồm có mười quyển và hai mươi bảy phẩm, dịch vào khoảng năm 286 Tây lịch.

- Bản thứ hai, là do Ngài Cưu Ma La Thập dịch, tức là bản chúng ta đang học ở đây, gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Bản này gồm tám quyển hai mươi tám phẩm, dịch khoảng năm 406 Tây lịch, vào thời Đạo Tần.

- Bản thứ ba, do Ngài Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa dịch, đề tên là Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Gồm có tám quyển, hai mươi bảy phẩm, dịch vào khoảng năm 601 Tây lịch.

Về chú giải, cũng có nhiều bản chú giải về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Ở bên Ấn Độ có Ngài Thế Thân chú giải, gọi là bộ Diệu Pháp Liên Hoa Ưu Bà Đề Xá.

Qua bên Trung Quốc có bộ Pháp Hoa Kinh Sớ của Ngài Trúc Đạo Sanh, Pháp Hoa Nghĩa Ký của Ngài Pháp Vân, Pháp Hoa Văn Cú, Pháp Hoa Huyền Nghĩa của Ngài Trí Khải, Pháp Hoa Nghĩa Sớ của Ngài Cát Tạng, Pháp Hoa Huyền Tán của Khuy Cơ v.v....

Qua phần tiếng Việt có bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh là bản học ở đây. Có bản của ông Đoàn Trung Còn, bản của ông Mai Thọ Truyền, của Hòa thượng Trí Nghiêm v.v...

Trong đó bản của Hòa thượng Thích Trí Tịnh thông dụng, nên ở đây chúng ta dùng bản này để học. Đó là nói qua về bản kinh.

Kinh Pháp Hoa này, là một trong những bộ kinh Đại Thừa có duyên rất lớn với cõi này, được nhiều người mến mộ, kính quý đọc tụng. Bộ kinh này xiển dương về giáo lý, gọi là Khai Quyền Hiển Thật hoặc đưa Tam thừa trở về một Phật thừa.

Nghĩa là trước có Tam thừa, là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát, mà đến đây đưa vào một Phật thừa hết. Để nêu cao cho thấy rõ tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật.

Bởi vậy, trong đây Ngài Đề Bà Đạt Đa phá Phật đủ thứ, nhưng cũng được thọ ký, không bị bỏ sót ra ngoài, và trong bộ kinh này nhấn mạnh tông chỉ là: - **Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến Phật**, nghĩa là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Đó là đại sự nhân duyên của Phật ra đời, tức là một nhân duyên, một việc lớn lao Phật ra đời. Chính đó là bản hoài của Phật, Ngài ra đời là vì mục đích khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Tri Kiến Phật. Đó là điểm chính, còn dùng phương tiện này, phương tiện khác đều là những cách tạm thời để đưa về chỗ này. Cho nên có những lúc Phật chưa nói hết được bản hoài của Ngài thì Ngài dùng phương tiện nói thế này, thế kia. Chẳng hạn, như mấy người mới vào học đạo mà nói thẳng như vậy thì họ chưa tin nổi, thì dạy tu thập thiện, ngũ giới rồi lần lần lên tạo những nghiệp lành, bỏ ác để bớt đi nghiệp ác. Đó cũng là cách mình trở về từ từ, nhưng mà chưa chỉ thẳng ở đây.

Đến đây, Đức Phật Ngài thổ lộ ra hết, đưa thẳng chỉ rõ mọi người đều có tánh Phật, đều có thể thành Phật. Về tông chỉ này, trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy Ngài Pháp Đạt:

- Ông tụng niệm kinh này mà ông có biết kinh này lấy gì làm tông chẳng?

Ông thưa:

- Con chỉ nương theo văn mà tụng niệm, đâu có biết tông thú.

Tổ mới dạy:

- Tôi chẳng biết chữ, bây giờ ông hãy lấy kinh tụng qua một lần, tôi sẽ giải nói cho.

Pháp Đạt liền tụng thuộc lòng, tụng đến phẩm Thí Dụ, Tổ bảo dừng lại, rồi nói:

“Thôi kinh này vốn lấy nhân duyên ra đời làm tông, dù có nói nhiều thứ thí dụ cũng không ra ngoài ý này, mà cái gì là nhân duyên? - kinh nói: “chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên nên hiện ra nơi đời”. Một đại sự đó tức là Tri Kiến Phật.

Người đời bên ngoài mê đắm nơi tướng, bên trong mê đắm nơi không. Nếu mà hay ở nơi tướng mà lìa tướng, nơi không lìa không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ được pháp này, một niệm mà tâm mở sáng đó là Khai Tri Kiến Phật. Phật vẫn Giác đây chia ra bốn môn: Khai tri kiến giác, Thị tri kiến giác, Ngộ tri kiến giác, Nhập tri kiến giác. Nếu nghe khai thị liền có thể ngộ nhập tức là tri kiến giác, chân tánh xưa nay sẽ hiện ra thôi, ông hãy đề đặt chớ hiểu lầm ý kinh. Nghe thấy Phật nói Khai thị ngộ nhập rồi tự cho là tri kiến của Phật, còn bọn ta không có phần. Nếu khởi hiểu nghĩa này, chính là chê bai kinh, là hủy báng Phật. Ngài đã là Phật thì đã đủ tri kiến rồi, đâu cần khai nữa. Nay ông hãy tin Tri kiến Phật là tự tâm ông, trọn không có Phật khác.

Bởi vì tất cả chúng sanh tự che lấp cái sáng tỏ rồi tham đắm nơi trần cảnh, bên ngoài thì duyên ra, bên trong thì quấy động, đành chịu rong ruổi làm nhọc cho Đức Thế Tôn mới từ tam muội dậy, rồi nói hết lời để khuyên: - “hãy nghỉ ngơi đi”, chớ có tìm cầu bên ngoài, thì cùng Phật không hai. Cho nên nói là Khai Tri Kiến Phật”.

Lục Tổ nói rõ: Tông thú của kinh là lấy nhân

duyên ra đời của Phật, nhân duyên ra đời là gì? - Là KHAI THỊ cho chúng sanh Ngộ Nhập Tri Kiến Phật.

Tri là biết. Kiến là thấy. Phật là Giác. Cái thấy biết giác ngộ ngay nơi chính mình, đánh thức cái giác ngộ chính mình mà mình bỏ quên, đó là đại sự nhân duyên của Phật ra đời, mà đó cũng là tông thú của bộ kinh. Bởi vậy mà Ngài nói rằng:

- Phật nói bao nhiêu các phương tiện, bao nhiêu thí dụ cũng dẫn về chỗ đó, nhắm vào chỗ đó, mà chúng ta mê lầm, dùng tâm chúng sanh cứ duyên ra bên ngoài, bên trong thì khuấy động cho nên mới phải nhọc nhằn Đức Thế Tôn từ tam muội dậy, rồi Ngài mới nói thế này, thế kia - Để khuyên mọi người hãy “nghỉ ngơi đi”, đừng chạy nữa, hãy trở về tri kiến Phật nơi mình.

Như vậy, người nghe kỹ và hiểu sâu nghĩa lý của kinh này, đó là trồng sâu căn lành Bồ đề hay hạt giống Phật, có cơ hội thì nó nảy mầm. Nghe sâu tức là nghe tận nội tâm của mình, chớ không nghe ngoài tai. Đó là nói qua về tông thú bộ kinh, kể nói về người dịch.

Kinh này do Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Dao Tần, khoảng thế kỷ V, tại chùa Thảo Đường, ở Trường An. Ngài là một vị dịch kinh nổi tiếng và được đa số người rất tin tưởng. Những bộ kinh Ngài dịch ra, văn sáng sủa, lưu loát. Khi sắp tịch, Ngài có nguyện: "Nếu những kinh mà Ngài dịch ra không sai với ý Phật thì cho khi thiêu, cái lưởi vẫn còn không hoại, không hư". Quả nhiên khi Ngài tịch, thiêu rồi lưởi vẫn còn nguyên. Đó là để chứng tín kinh của Ngài dịch ra không sai ý Phật.



GIẢI QUA PHẦN ĐỀ KINH

Kinh này gọi là **Diệu Pháp Liên Hoa**. Vậy **Diệu Pháp** là gì?

- **Diệu:** là mầu nhiệm. Sao gọi là mầu nhiệm? - Bởi vì, chỗ này nói không thể hết, nghĩ không thể đến, gọi là dứt đường ngôn ngữ, bật chỗ tâm hành, bất khả thuyết, bất khả tư nghĩ, tạm nói là Diệu. Nếu nói được, nghĩ được thì đâu còn Diệu nữa.

Như Ngài Đạt Quán Dĩnh nói về sự lý với ngài Cốc Ân, Sư nói:

- Như Thạch Đầu nói: “Chấp sự nguyên là mê, khế lý cũng chẳng phải ngộ”.

Cốc Ân hỏi:

- Dùng làm lời nói thuốc hay lời nói bệnh?

Sư thưa:

- Lời nói thuốc.

Cốc Ân quở:

- Ông lấy bệnh làm thuốc, đâu có thể được.

Sư thưa: - Sự như phong thư được gói kín. Lý như mũi tên thẳng nhọn. Chỗ nhiệm mầu đâu có thêm mà còn cho là bệnh, thật chưa rõ yếu chỉ?

Sự như phong thư được gói kín là sao? - Là không có lộ ra ngoài. Còn lý giống mũi tên thẳng nhọn, là cũng không có gì mà chạm đến được. Tức cái lý, cái sự nó vi diệu đến như thế rồi, mà còn cho là bệnh, thật không hiểu nổi!

Ngài Cốc Ân liền bảo:

- Chỗ nhiệm mầu đến như thế đó, cũng gọi là sự lý thôi, còn cái ý chỉ của Tổ Sư là chỗ “trí biết không thể đến được”, hướng chỉ là sự lý hay cùng tột đó sao!

Nghĩa là chỗ ý chỉ của Tổ Sư, là chỗ trí biết không thể đến được, hướng nữa là mình dùng cái sự lý để mà bàn bạc. Bởi vậy, dù mình bàn bạc sự lý nói cho hay cách mấy đi nữa, nói cái lý mà thao thao bất tuyệt, nhưng cũng chưa rời khỏi cái môi.

Bởi vậy Ngài Cốc Ân nói chỗ ý Tổ Sư đó, trí không thể biết đến được. Như vậy ý chỉ của Tổ Sư đó, trí biết còn không biết đến được, hướng chỉ ý của Phật. Cho nên mình còn lý luận được hoặc là lý, hoặc là sự đó, thì quả là chưa thật mầu nhiệm, chưa thật diệu. Có vị tăng hỏi Thiên sư Đạo Ngộ:

- Thế nào là nói huyền diệu?

Đạo Ngộ bảo:

- Chớ bảo ta hiểu Phật pháp.

Bởi vì có chỗ hiểu thì hết diệu rồi, là có thức tình phân biệt, cái đó chúng sanh cũng hiểu được, những học giả, trí thức thế gian suy nghĩ họ cũng hiểu được, thì sao gọi là diệu? Cho nên ở đây Đạo Ngộ nói: “Chớ bảo ta hiểu Phật pháp”. Đơn giản mà rất là sâu xa. Bởi vậy mà một chữ “diệu” này có thể nói hoài

không hết. Nói hết, thì hết diệu. Do đó, đọc Kinh Pháp Hoa mình thấy cái diệu đó nó còn dài dài.

Phật trước khi nói kinh này, tại sao Ngài không vào nói liền đi mà phải nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm? Có diệu chưa? Nói Kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh đó là kinh gì? Rồi còn nhập định Vô Lượng Nghĩa xứ, chưa chịu nói Pháp Hoa, như vậy diệu không? Rồi Ngài phóng hào quang từ chạng mày soi thấu hết tất cả thế giới khắp nơi, ở trong đó hiện ra đủ chuyện, Ngài nói rằng những việc này, những chỗ này thật là khó thể mà nói hết được. Trí Xá Lợi Phất cộng lại như lúa, mè, tre, lau cũng không hiểu được nữa. Không thể suy hiểu được thì diệu không? Rồi tiếp tục về sau, Phật thuyết pháp như vậy đó, bỗng Bồ tát từ dưới đất vọt lên, vọt lên đầy khắp. Một tiếng tăng háng thì vang khắp cả đại thiên thế giới. Có thể dùng cái thức tình của thế gian này hiểu hết không? Chính là diệu đó, từ cái diệu này đến cái diệu khác là vi diệu!

Chữ “diệu” này, Ngài Trí Giả Đại sư ngày xưa, giảng một tuần lễ không hết. Như vậy hiện giờ mình làm sao nói hết đây? Làm sao nói cho hết chữ diệu này? Chính xác nhất là để dành lại một phần cho người bổ túc vào.

- **Pháp:** tức là bốn pháp, không gì khác. Bởi pháp nó có nhiều nghĩa, chỉ cho muôn sự muôn vật cũng là pháp, là những cái đối tượng, là chỗ duyên của tâm hiểu biết, của thức tình, như pháp trần là những cái bóng dáng còn đọng lại trong tâm, mình không sờ không mó được. Ví dụ như buổi sáng mình đi chợ rồi thấy cái gì đặc biệt đó, chiều về nhớ lại thì cái hình ảnh đó hiện ra trong đầu, đây cũng gọi là pháp, tức

pháp trần. Nhưng đó là những pháp sanh diệt, pháp bị duyên. Còn pháp ở đây chỉ cho cái bốn pháp, pháp sẵn có nơi chính mình, nói rõ là chỉ tâm thể hay Tri Kiến Phật. Bốn pháp này không có hình tướng, nên không có thể duyên để biết được, mà chính đó mới là DIỆU.

Cho nên mình thường nghe nói pháp, liền suy nghĩ để hiểu thì đó là lầm. Pháp ở đây không phải chỗ suy nghĩ hiểu được. Nếu suy nghĩ hiểu được thì ở sau Phật đâu nói: "Dùng trí tuệ như Ngài Xá Lợi Phất cộng lại, suy nghĩ cũng không thể biết được, rõ được chỗ này". Chứng Đạo Ca mới vào đầu là "Quân bất kiến": Anh thấy chằng? Tại sao mới vào đầu chưa nói gì hết, chưa có câu nào, lại hỏi "Anh thấy chằng?" Thấy gì đây? Đó là ý nghĩa rất sâu xa! Đó muốn chỉ cái sẵn có nơi mọi người, nó luôn luôn hiện hữu từ xưa đến giờ, chưa từng thiếu, chưa từng mất, cho nên muốn thấy nó là mê rồi. Thì đó là "diệu" chưa? Chưa nói gì hết hỏi anh thấy chằng liền, còn nói thế này thế kia, nhiều khi người ta nghe theo lời nói đó mà suy nghĩ để hiểu, để thấy, thì hết diệu rồi. Bởi vậy tiếp theo mới nói là: "Tuyệt học vô vi nhân đạo nhân". Chỗ đó dứt học, không học hỏi gì được. Vô vi, là không tạo tác, không làm gì hết. Nhân đạo nhân, là đạo nhân nhân thôi, không có tu hành gì, nó sẵn như vậy rồi. Sau mới nói: "Bất ly đương xứ thường trạm nhiên. Mịch tức tri quân bất khả kiến" Bất ly đương xứ, là không có rời ngay chỗ này, mà luôn luôn nó trong sáng rõ ràng. Nhưng vừa tìm là biết anh chưa thấy, anh không thể thấy. Vì tìm là hướng ra ngoài rồi. Bởi vậy, mới vào đầu Thiên sư Huyền Giác liền đặt câu hỏi: "Anh thấy chằng?"

Nếu nói theo Kinh Kim Cang thì phải nói là "Diệu pháp đó tức chằng phải diệu pháp". Đó là nhấn

manh, nhân cái ngôn ngữ hay các lời đó, phải thấy trở lại nơi chính mình, vượt qua ngôn ngữ văn tự để trực nhận nó thẳng nơi tự tâm của mình, không qua trung gian suy nghĩ, như vậy mới thật sự thấy bốn pháp, chớ còn suy nghĩ được, đó cũng còn bóng dáng thứ hai thôi.

Đây dẫn câu chuyện cho người nghe nghiệm kỹ lại: Ông cư sĩ Phạm Xung, đến tham vấn với Thiền sư Mân. Khi đến đó, ông uống trà với Thiền sư Mân xong, ông mới thưa:

- Con nay sắp già rồi mà còn phải rơi vào con đường quan quyền, sang cả nên cách việc này hơi xa.

Ngài Viên Thông liền gọi:

- Nội Hàn!

Ông Phạm Xung liền: Dạ!

Ngài bảo:

- Có xa đâu!

Mình cứ nhìn ra ngoài nên thấy nó rất xa. Trong khi cái bốn pháp nó sẵn nơi mình, luôn luôn có mặt đây mà vì quên, tưởng như ở nơi nào, nhiều khi còn đi tìm nữa. Cho nên, ở đây Thiền sư Mân nhấn mạnh lại, chỉ gọi: Nội Hàn. Vừa gọi ông biết dạ rồi, như vậy có xa bao giờ đâu? Ngay khi gọi nó nếu ở xa thì khi gọi phải đợi một chút, nó từ từ ở đâu đi tới, vậy mới tạm gọi là xa được. Còn ở đây “mới gọi” thì “dạ liền”. Nó sẵn đó rồi, có xa bao giờ đâu!

Khi nghe như vậy, ông liền vui mừng, tức có chỗ cảm nhận, ông thưa:

- Xin thầy lập lại lời chỉ dạy (tức là chỉ dạy thêm).

Thiền sư Viên Thông mới bảo:

- Từ đây đến Hồng Đô có bốn lộ trình.

Cũng giống như mình nói từ đây đến Đơn Dương có mấy chục cây số.

Ngay khi đó ông đứng suy nghĩ, thì Ngài Viên Thông liền bảo:

- Thấy tức liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay đó ông tỉnh ngộ.

Thực sự, mình luôn luôn sống hiện hữu với cái chân thật đó. Ở chỗ nào, lúc nào nó cũng luôn luôn hiện hữu đó, có xa bao giờ đâu? Nó cách là còn thấy kẹt nơi “cái ngã” này. Có “ngã” nên cách xa.

Do đó, ở đây nhấn mạnh lại, cái bốn pháp đó chính là Tri Kiến Phật chứ không gì khác. Nó sẵn nơi mình, tại mình cứ tưởng đâu xa, không ngờ mình đang sống hằng ngày mà tự mê. Bởi vì sống hằng ngày nó quá gần, mình không ngờ nên tưởng xa. Khi chúng ta nghĩ xa rồi thì mình sanh tâm tưởng tượng. Nhiều khi tưởng tượng diễn tả thế này thế kia, mà càng diễn tả thì càng xa hơn nữa. Bởi vậy xưa có một vị Tăng hỏi Thiền sư Duy Gián:

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Gia phong là chỗ đặc sắc trong tông môn của Ngài.

Sư đáp:

- Lý thấu thì đến.

Chỗ đó không phải chỗ lý luận, thấu lý thì đến.

Ông Tăng hỏi:

- Như vậy thì làm sao mà lãnh hội được?

Sư đáp:

- Vẽ trĩ chẳng thành gà.

Vẽ con chim trĩ làm sao mà thành con gà được? Càng muốn lãnh hội chừng nào thì càng cách xa chừng ấy thôi. Còn muốn lãnh hội là còn muốn diễn tả để hiểu. Nhiều khi chúng ta có cái tâm từ bi theo thế gian, nghe người ta không hiểu thì mình cũng chịu không nổi, phải diễn tả cho nó rõ ràng, nó rành rẽ thế

này thế kia cho hiểu, mà càng diễn tả chừng nào thì càng xa thêm nữa. Bởi vì, mỗi lần diễn tả là mỗi lần người ta nghe càng tưởng tượng thêm ra. Trong khi cái chân thật rất đơn giản, đơn giản đến mức không ngờ. Do đó các Thiên sư có đánh, có hét, hoặc nói chát tai là để mình bật hết suy nghĩ ra bên ngoài. Vậy ai thấy rõ Diệu Pháp chưa?

Đó là ý nghĩa Diệu Pháp.

- **Liên Hoa:** tức là hoa sen, là dụ, còn Diệu Pháp là chỉ cho Pháp. Bởi vì Pháp đó quá mâu nhiệm, không nghĩ bàn được, bây giờ làm sao cho người hiểu đây, nên tạm thí dụ hoa sen. Người khéo nhân đây thấy kia, nhân dụ này thấy lý kia, chớ không nên mắc kẹt mà phải thấy được ngoài cái dụ này. Đó cũng nhắc mình thấy được ý ngoài lời.

Bởi vì hoa sen có nhiều ý nghĩa, nhưng đây nhấn mạnh hai điểm:

*Hoa sen: nó từ bùn nhơ mà nhô lên, rồi nó tỏa hương mà không dính bùn, không bị bùn nhơ làm ô nhiễm. Cũng vậy, cái Tri Kiến Phật đó, ở trong phiền não chúng sanh đều có. Rõ Tri Kiến Phật này thì nó vốn xưa nay chưa từng nhiễm ô. Tuy ở trong phiền não mà vốn tự thanh tịnh. Nói như vậy có ai dám tin không? Nếu nghiệm kỹ thì thấy rõ, tất cả chúng ta luân hồi trong sanh tử này chừng bao lâu rồi? Mình vào trong vòng luân hồi này, Phật nói từ vô thủy, vô lượng kiếp không biết thời gian là bao lâu nữa. Trong suốt thời gian luân hồi đó cũng làm đủ thứ. Làm trời cũng có, làm quỷ cũng có, có khi xuống địa ngục, súc sanh..., tại sao bây giờ còn ngồi đây?

Cho thấy rõ, trong vòng luân hồi, trong vô thường sanh diệt đó, nó có cái không mất. Cho nên

hôm nay vẫn còn ngồi đây! Để tin rằng: trong đó có cái chân thật, gọi là Tri Kiến Phật, nó ở trong phiền não, sanh tử mà không bị ô nhiễm. Do đó, ai được đủ duyên tỏ ngộ thì liền nhận rõ, quả thực lâu nay mình bỏ rơi một cái thật là tự đáng thương vô cùng! Ngay khi đức Phật mới thành đạo, trong Kinh Hoa Nghiêm kể, Ngài liền la lên:

- Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai. Vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Nếu lìa vọng tưởng thì trí thanh tịnh, trí tự nhiên, trí vô sư tự hiện tiền.

Còn như Ngài Lục Tổ khi đại ngộ thì Ngài la lên:

Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh,

Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn không sanh diệt,

Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn tự đầy đủ.

Rõ ràng xưa nay nó không thiếu, nó cũng chưa từng sanh diệt, vốn tự thanh tịnh, nó ở trong phiền não của chúng sanh đây mà không bị nhiễm ô. Đó là ý nghĩa hoa sen từ bùn nhơ nhô lên tỏa hương thơm ngát, tức một ý nghĩa nhấn mạnh về Tri Kiến Phật, vốn tự thanh tịnh lìa nhiễm ô.

*Thứ hai: hoa sen nhân quả đồng thời. Có hoa sen là có gương, có gương là có sẵn quả trong đó. Hoa là nhân, gương là quả thì nhân quả đồng thời. Cũng như mình, có tâm tức có Phật, nhưng mê Tri Kiến Phật ẩn, ngộ thì hiện ra sáng tỏ tự bao giờ, chớ không phải mình ngộ nó mới có. Cho nên trong nhà Thiên có câu "Kiến tánh thành Phật". Kiến tánh là mình ngộ tự tánh mình hay đây là ngộ Tri Kiến Phật, thì liền rõ nó là sẵn đó rồi, vốn sẵn thành Phật rồi. Nhưng nó cũng còn có những vô minh, những tập khí điên đảo chưa sạch hết, mình phải gạn lọc cho hết đi thì tròn

sáng thành Phật, là thành cái sẵn có này thôi, không có gì khác. Gọi là nhân quả đồng thời, chứ không phải là do mình tạo ra mới có, từ nhân mà sanh ra quả không phải như vậy. Xưa, vua Tống Hiếu Tông hỏi Ngài Phật Chiêu nhân ngày Phật thành Đạo. Ông hỏi:

- Đức Thích Ca, sáu năm ở trong núi Tuyết tu hành khổ hạnh, rốt cuộc đó là thành cái gì?

Thiền sư Phật Chiêu đáp:

- Sẽ bảo bệ hạ đã quên.

Thành cái bệ hạ đã quên chứ không có gì khác. Tưởng đâu Phật khổ hạnh vậy đó, là thành được cái gì phi phạm ngoài sức tưởng tượng, nhưng không ngờ thành là thành cái "sẵn có tự bao giờ mình bỏ quên". Cái đó là cái gì? - Tức là Tri Kiến Phật.

Cũng như Tuyết Phong đến chỗ Hoà thượng Đức Sơn thưa:

- Việc ở trong tông thừa từ trước con có phần chẳng?

Hoà thượng Đức Sơn đánh cho một gậy, bảo:

- Nói cái gì?

Ngày đó Tuyết Phong bảo rằng Sư giống như cái thùng sơn lũng đáy, rỗng rang.

Hỏi cái việc trong tông thừa từ trước đến giờ con có phần chẳng? Tức là nghi mình không có phần, nhưng mà cái đó có sẵn nơi mọi người, cho nên Ngài Đức Sơn chỉ đập cho một gậy và bảo: "Nói cái gì?". Ngày đó Tuyết Phong liền rỗng rang hết, không còn có cái gì để bám, để tìm cầu nữa, như thùng sơn lũng đáy.

Sau khi Sư ra giáo hoá, có vị Tăng hỏi:

- Hòa thượng ở chỗ Đức Sơn được cái gì mà trở về?

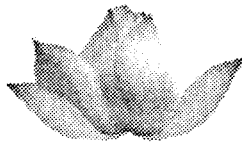
Ngài nói:

- Ta đi tay không, về tay không.

Cũng ngấm ý nhận rõ cái Tri Kiến Phật này hay cái Diệu Pháp đó sẵn có đầy đủ nơi tự tâm của mỗi người, của chính mình. Bởi vì có tâm tức là có giác, do chúng sinh mê lầm không hay biết, cho nên Đức Phật mới ra đời thương xót, dùng đủ mọi phương tiện để đánh thức mình. Cũng như các Tổ ra đời, có khi dùng tiếng hét để đánh thức mình nhớ lại, tỉnh lại. Tóm lại, hoa sen là dụ cho cái Tri Kiến Phật sẵn có nơi chúng ta, dù ở nơi phiền não nhưng cũng không bị nhiễm ô. Ngay nơi đây tỏ sáng trở lại, là nó sẵn có đã thanh tịnh tự bao giờ, không phải do ai làm ra, cũng không phải do mình mới tu mà được.

Như vậy, ý nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa đã giải rõ. Nhắc lại, đề kinh này dùng pháp và dụ lập đề. Diệu Pháp là pháp, còn Liên Hoa là dụ. Chính ngay đề đó đã ngấm ý nghĩa sâu xa, nhắc chúng ta phải nhận cái này mà thấy được cái kia, không nên chấp bám vào cái phương tiện đó.

Vậy đề Kinh có thể dịch cho rõ ra là: Kinh Hoa Sen Diệu Pháp hay Kinh Hoa Sen Bốn Pháp Nhiệm Mầu. Ngay đề Kinh này thôi, nếu người lanh lợi một chút thì cũng mở cửa vào được rồi, khỏi phải đợi nói nhiều. Đây nhấn mạnh lại: **Cái Hoa Sen Diệu Pháp này, hiện giờ nó ở đâu? Làm sao thấy?** Tiếp vào phần chánh văn.





PHÂN CHÁNH VĂN

Trước khi vào chánh văn, nói qua về phần phân khoa của bộ Kinh này. Bộ Kinh này gồm có 28 phẩm. Phân khoa là chia ra nhiều phẩm theo sự sai biệt tùy với chỗ nhận của mỗi Ngài.

Từ xưa có vị phân làm nhân môn, quả môn. Nhân môn tức là nói về nhân; quả môn nói về quả. Lại có vị chia làm bốn đoạn sau:

- Thứ nhất, phẩm đầu là phẩm Tựa gọi là đoạn Tựa

- Thứ hai, từ phẩm Phương tiện đến phẩm An Lạc Hạnh. Đoạn này gọi là Khai Tam Hiển Nhất, tức là mở ba hiển một, là đưa Tam thừa trở về Nhất thừa.

- Thứ ba, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất tới phẩm Công Đức, là đoạn Khai Cận Hiển Viễn (mở gần hiển xa).

- Thứ tư, từ phẩm Như Lai Thọ Lượng cho đến hết. Đó là đoạn Lưu Thông.

Ngài Thiên Thai Trí Giả thì phân ra Bản môn và Tích môn.

- Bản, là chỉ cho sẵn có từ xưa, chỉ cho Phật bản địa, Phật lâu xa.

- Tích, là chỉ cho đức Phật từ bản địa lâu xa đó mà hiện ra dấu tích mới thành Phật gần đây, tức Phật Thích Ca mới thành ở Ấn Độ là Tích môn. Phật sẵn có tự bao giờ là Bản môn.

Mười bốn phẩm đầu là Tích môn, mười bốn phẩm sau là Bản môn. Phần Tích môn chia phần tự, phần chánh văn, phần lưu thông.

Ở đây chúng ta chia theo Ngài Hám Sơn đơn giản hơn. Ngài Hám Sơn chia ra ba phần là phần tựa, phần chánh tông và phần lưu thông.

Phần tựa gọi là phẩm Tựa.

Phần chánh tông gồm 27 phẩm sau, trong đó chia ra làm bốn phần:

- Phần một: từ phẩm Phương tiện đến phẩm Pháp sư, gồm 9 phẩm đầu gọi là Khai Tri Kiến Phật. Tức mở bày cho người nhận hiểu nơi mình có đầy đủ Tri Kiến Phật.

- Phần hai: chỉ một phẩm Hiện Bảo Tháp, gọi là Thị Tri Kiến Phật, tức chỉ bày Tri Kiến Phật.

- Phần ba: từ phẩm Đề Bà Đạt Đa đến phẩm Chúc Lụy, gồm 11 phẩm. Đó gọi là Ngộ Tri Kiến Phật.

- Phần bốn: từ phẩm Dược Vương Bồ Sĩ đến phẩm Phổ Hiền, gồm 6 phẩm, gọi là Nhập Tri Kiến Phật.

Ngài nói rõ phần **Khai - Thị - Ngộ** đó thuộc về phần Tín giải, tức tin hiểu tỏ sáng. Phần **Nhập** là phần hành chứng, là chứng nghiệm. Đó là nói phần chánh văn.

Phần lưu thông: gồm mấy câu cuối của phẩm Phổ Hiền là "Tất cả đại chúng trong hội nghe Kinh này đều rất vui thọ trì lời Phật, làm lễ mà đi".

Đó là lược qua phần phân khoa. Bây giờ vào chánh văn.